TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138 /2019/DS-PT
Ngày: 27-5-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và ranh giới quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Phước Hội

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Vững

Ông Huỳnh Thanh Tấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lâm Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Bình Thành- Kiểm sát viên.

Ngày 27/5/2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 133/2019/TLPT- DS ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và ranh giới quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 168/2019/QĐPT-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 giữa:

1. Nguyên đơn:

1.1. Trần Văn N, sinh năm 1961. (Có mặt)

1.2. Phan Thị Thu H, sinh năm 1962. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 9, ấp Phú L, xã Phú H, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn:

2.1. Phan Văn T, sinh năm 1963. (Có mặt)

2.2. Trần Thị S, sinh năm 1967. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp An N, xã An K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Giảng Minh C, sinh năm 1936.

3.2. Nguyễn Thị H, sinh năm 1949 (vợ ông C). (Có mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền* cho ông C là bà Nguyễn Thị H (theo văn bản ủy quyền ngày 19/12/2018). (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H là người được ông C ủy quyền: Luật sư Trần Văn N, Văn phòng luật sư B thuộc đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

3.3. Giảng Thị Minh Th, sinh năm 1979 (con ông C). (Vắng mặt)

3.4. Giảng Minh T, sinh năm 1985 (con ông C). (Vắng mặt)

3.5. Giảng Thị Minh T1, sinh năm 1986 (cháu ông C). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ 5, ấp An N, xã An K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Phan Thu N, sinh năm 1992 (con ông T). (Vắng mặt)

3.7. Phan Thị P, sinh năm 1995 (con ông T). (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp An N, xã An K, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

3.8. Ủy ban nhân dân huyện C (có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Giảng Minh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Trần Văn N, bà Phan Thị Thu H trình bày: Vào năm 1986 ông N, bà H có chuyển nhượng đất của chú ruột tên là Trần Văn T (Tám D) (chết) diện tích đất là 5.856m^2, phần đất này gồm hai khu đất. Đến năm 2000 ông N được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa số 799, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.306m^2, đất ở tại nông thôn và thửa số 931, tờ bản đồ số 4, diện tích 3.550m^2 đất trồng lúa, tọa lạc tại ấp A, xã An K, huyện C. Phần đất này ông N, bà H sử dụng ổn định từ năm 1986 đến nay. Giữa hai thửa đất này có một bờ líp và một con mương chiều ngang 6m, dài khoảng 20m ông N, bà H sử

dụng làm lối đi ra đất trồng lúa, hiện nay ông N, bà H đã lên vườn trồng nhãn. Vào năm 2010 ông N, bà H có bơm cát để san lắp phần bờ líp và con mương do ông Tám D chừa để làm lối đi, đất ông giáp đất ông C và ông T, lúc này không có ai tranh chấp phần lối đi này.

Vào năm 2009 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C có đo đạc phần đất của ông Nguyễn Thanh H để giao lại cho bà Hồ Kim M thừa kế thuộc thửa số 179, phần tiếp giáp với đất ông N thuộc thửa 931 (kèm trích đo hiện trạng khu đất có xác nhận của Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C ngày 25/5/2009). Đến năm 2011 bà Hồ Thị M chuyển đổi đất với ông T và hộ ông T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm luôn phần đất lối đi là bờ líp, thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 diện tích 92,6m^2 và con mương nối các mốc 2,3,4,5,8,2 là 72,4m^2 và các mốc 1,2,8,9,10 có diện tích là 10,3m^2.

Nay ông N, bà H yêu cầu ông Phan Văn T trả lại cho ông, bà diện tích con mương theo đo đạc thực tế ngày 15/12/2017 thể hiện các mốc 2,3,4,5,8,2 diện tích là 72,4m^2, các mốc 1,2,8,9,10 diện tích 10,3m^2 và lối đi là bờ líp thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 diện tích là 92,6m^2 thuộc một phần thửa đất số 179, tờ bản đồ số 19, do hộ ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thu hồi, hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 179, tờ bản đồ số 19, do hộ ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cấp lại cho ông được quyền sử dụng diện tích 92,6m^2 là lối đi tranh chấp. Ngoài mốc số 8 ông T có trồng 01 cây nhãn, vì năm 2003 ông N cho ông O thuê đất thời gian 02 năm sau đó cho ông H thuê 04 năm, đến năm 2009, ông N lấy đất lại làm thì thấy có 01 cây nhãn trên đất, nên ông N kêu ông T nói, sau ông trồng cây nhãn trên đất tôi, ông T nói anh em không mà, ông T lỡ trồng rồi thì bỏ cũng được, ông N thấy vậy bỏ qua cho đến nay.

Đối với yêu cầu của ông C, bà H yêu cầu hộ ông N trả lại lối đi bờ líp tại vị trí các mốc 8,5,6,7,8 diện tích đo đạc thực tế là 92,6m^2 thuộc một phần thửa số 179, tờ bản đồ số 19, do hộ ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông N không đồng ý vì hiện nay gia đình ông đang quản lý sử dụng lối đi này để đi ra vườn và mồ mã vì bời líp này là của gia đình ông do ông Tám D để lại.

- Bị đơn ông Phan Văn T, bà Trần Thị S trình bày:

Nguồn gốc phần đất của ông đang sử dụng là ông đổi đất của bà Hồ Kim M và ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/02/2011 tại thửa số 179, tờ bản đồ số 19, diện tích 7.651m^2, loại đất trồng lúa, khi ông làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất trên thì Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông đã cấp luôn phần lối đi bờ líp thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 diện tích 92,6m^2, phần lối đi này ông tự nguyện trả lại cho ai là do Tòa án quyết định.

Về phần mương ông N chỉ qua phần đất của ông thể hiện từ mốc 10, 1, 2, 3, 4 ông T không đồng ý mà yêu cầu được sử dụng từ mốc 10, 9, 8, 5, 4 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C), đối

với cây nhãn ông T không có tranh chấp, nếu cây nhãn nằm trên phần đất ông N thì ông T tự đốn bỏ, không yêu cầu ông N trả giá trị.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

+ Ông Giảng Minh C, bà Nguyễn Thị H trình bày: Nguồn gốc đất là của ông bà để lại cho vợ chồng ông sử dụng từ năm 1975 đến nay và đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông đứng tên, đất thuộc thửa số 13, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.060,4 m^2 (trong đó đất ở tại nông thôn diện tích 1.003m^2, đất trồng cây lâu năm 1.057,4m^2). Phần đất của ông giáp với đất của ông T. Vào năm 2011 ông T chuyển đổi đất với với bà M, ông T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bao trùm luôn phần lối đi diện tích 92,6m^2 là đất của ông theo các mốc 8,5,6,7,8.

Nay vợ chồng ông yêu cầu hộ ông T và ông N phải trả lại diện tích lối đi cho hộ ông sử dụng diện tích 92,6m^2, vị trí thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017), thuộc một phần thửa số 179, tờ bản đồ số 19, do hộ ông T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu thu hồi, hủy bỏ một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 179, tờ bản đồ số 19, do hộ ông T đứng tên để cấp lại cho hộ ông được quyền sử dụng diện tích lối đi này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án huyện C tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ ông Trần Văn N.

2. Hộ ông Trần Văn N được sử dụng phần đất lối đi diện tích 92,6m^2 thể hiện các mốc 8, 5, 6, 7, 8 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

3. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn T giao trả lại một phần đất thuộc một phần thửa 179 tờ bản đồ số 19 diện tích 92,6m^2 thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 đất trồng lúa, do ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/02/2011, cho hộ ông Trần Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần lối đi này.

4. Ranh giới quyền sử dụng đất (ranh mương) giáp ba thửa 179 của ông T và hai thửa 799, 931 của ông N, có hình chữ L, là hai đoạn thẳng nối từ mốc 1, 2, 3, đến mốc 4 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Hộ ông Phan Văn T và hộ ông Trần Văn N đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật.

5. Không chấp nhận yêu cầu của hộ ông Giảng Minh C yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 179 tờ bản đồ số 19 do hộ ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không chấp nhận yêu cầu của hộ ông Giảng Minh C yêu cầu hộ ông Trần Văn N và hộ ông Phan Văn T trả lại phần đất lối đi có diện tích 92,6m^2 thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Giảng Minh C là gia đình liệt sĩ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 12346 ngày 06/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

7. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: tổng số tiền là 4.535.000đ (trong đó chi phí đo đạc 3.935.000đ, chi phí định giá 600.000đ) ông Trần Văn N đã nộp tạm ứng và đã tự nguyện chi xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/12/2018 ông Giảng Minh C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm ông yêu cầu cấp phúc thẩm hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 179, tờ bản đồ số 19 do hộ ông T đứng tên thể hiện các mốc 8,5,6,7 trở về mốc 8 để cấp lại cho ông diện tích 92,6m^2 và yêu cầu hộ ông N, ông T trả lại diện tích đất trên cho ông sử dụng.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Giảng Minh C ủy quyền cho bà H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

- Ý kiến của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử chấp yêu cầu của ông C, bà H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 179, tờ bản đồ số 19 do hộ ông T đứng tên thể hiện các mốc 8,5,6,7 trở về mốc 8 để cấp lại cho ông diện tích 92,6m^2 và yêu cầu hộ ông N, ông T trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông, bà được sử dụng, sửa một phần bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông C có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của

ông, Hội đồng xét xử xét thấy:

Phần đất tranh chấp đối với bờ líp có lối đi thuộc một phần thửa 179 tờ bản đồ số 19 diện tích 7.651m^2 đất trồng lúa của ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa đất này có một phần lối đi là bờ líp thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 diện tích 92,6m^2 và một phần ranh mương thể hiện các mốc 2, 3, 5, 8, 2 phần lối đi là bờ líp và một phần mương này do Nhà nước cấp giấy nhằm cho ông T, ông T tự nguyện trả lại cho ai là do Tòa án quyết định. Phần lối đi bờ líp này ông C và ông T thừa nhận là ông N có san lấp mặt bằng để đi lại giữa hai thửa đất 799 và thửa 931 của ông N ra phần mộ và ruộng phía sau, việc ông N bơm các vào bờ líp để làm lối đi ông C, ông T không có tranh chấp.

Theo lời khai của bà Trương Thị Huỳnh M là người chuyển nhượng đất cho ông C khai: Nguồn gốc đất bà chuyển nhượng cho ông C vào năm 1990 là của bà chuyển nhượng của ông Trần Văn T (Tám D) là chú ruột của ông N diện tích 800m^2 tầm 2,5m đất ruộng. Tại thời điểm bà chuyển nhượng ông Tám D cũng chuyển nhượng đất cho ông N là cháu ruột diện tích khoảng 7.500m^2 trong đó có đất mồ mã ông bà để ông N trông coi, phần đất ông N chuyển nhượng chạy dài từ sông kinh mới trở vô phần đất, khoảng giữa phần đất ông N chuyển nhượng giáp với đất của bà đã chuyển nhượng cho ông C và giáp với đất ông T là một con mương và một bờ líp nhưng bà không biết ngang dài bao nhiêu mét để làm đường đi ra phần đất phía sau có các ngôi mộ. Khi ông Tám D bán cho bà ông có chừa một bờ líp để làm đường đi ra mồ mã, bà chuyển nhượng lại cho ông C bà vẫn chừa con đường đi ra mồ mã. Con đường trước kia thấp nên năm 2011 ông N bơm cát bằng phẳng thì ông C cho rằng là của ông là không đúng.

Do đó, yêu cầu của ông N được tiếp tục quản lý sử dụng lối đi bờ líp theo phân tích trên là phù hợp. Đối với yêu cầu của ông C yêu cầu ông N, ông T trả lại phần lối đi bờ líp này, nhưng ông cũng không chứng cứ chứng minh được là phần lối đi bờ líp này là của ông, vì theo lời trình bày của bà M xác định bờ líp có lối đi này là của ông Tám D để lại cho ông N sử dụng để đi ra các ngôi mộ phía sau thửa đất 931 của ông N và trong hồ sơ địa chính cấp quyền sử dụng đất cho ông C cũng không thể hiện phần đất lối đi bờ líp này, mà thửa đất của ông C liền kề phần đất giáp với lối đi bờ líp tại mốc 6, 7 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông C phải chịu tiền án phí phúc thẩm, nhưng do ông C là gia đình liệt sĩ nên được miễn tiền án phí theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuy nhiên, trong quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chưa cụ thể rõ ràng, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh cách tuyên cho phù hợp.

[2] Tại phiên tòa Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông C, bà H yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 179, tờ bản đồ số 19 do hộ ông T đứng tên thể hiện các mốc 8,5,6,7 trở về mốc 8 để cấp lại cho vợ chồng bà H diện tích 92,6m^2 và yêu cầu hộ ông N, ông T trả lại diện tích đất trên cho gia đình ông, bà được sử dụng, sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của Luật sư là chưa phù hợp nên không chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 168; Điều 245; Điều 254 Bộ luật dân sự 2015; Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Giảng Minh C.

2. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 66/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án huyện C.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn hộ ông Trần Văn N.

4. Hộ ông Trần Văn N được sử dụng phần đất bờ líp có lối đi diện tích 92,6m^2 thể hiện các mốc 8, 5, 6, 7, 8 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C).

5. Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phan Văn T giao trả lại một phần đất thuộc một phần thửa 179 tờ bản đồ số 19 diện tích 92,6m^2 thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 đất trồng lúa, do ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/02/2011, cho hộ ông Trần Văn N đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần lối đi này.

Đề nghị Ủy ban nhân dân huyện C thu hồi diện tích 92,6m^2 thuộc một phần thửa 179 tờ bản đồ số 19, do ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 22/02/2011, để cấp lại cho hộ ông N.

6. Ranh giới quyền sử dụng đất (ranh mương) giáp ba thửa 179 của ông T và hai thửa 799, 931 của ông N, có hình chữ L, là hai đoạn thẳng nối từ mốc 1, 2, 3 đến mốc 4 (theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C). Ranh giới quyền sử dụng giữa hai bên được xác định từ lòng đất lên không gian, tài sản có trên ranh giới đã được xác định phải được tháo dỡ, di dời.

Hộ ông Phan Văn T và hộ ông Trần Văn N đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để kê khai, điều chỉnh, đăng ký quyền sử dụng đất đúng theo quy định pháp luật.

7. Không chấp nhận yêu cầu của hộ ông Giảng Minh C yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 179 tờ bản đồ số 19 do hộ ông Phan Văn T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không chấp nhận yêu cầu của hộ ông Giảng Minh C yêu cầu hộ ông Trần Văn N và hộ ông Phan Văn T trả lại phần đất bờ líp có lối đi diện tích 92,6m^2 thể hiện các mốc 8,5,6,7,8 theo sơ đồ đo đạc ngày 15/12/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Giảng Minh C là gia đình liệt sĩ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Văn N được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 12346 ngày 06/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

9. Về chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: tổng số tiền là 4.535.000đ (trong đó chi phí đo đạc 3.935.000đ, chi phí định giá 600.000đ) ông Trần Văn N đã nộp tạm ứng và đã tự nguyện chi xong.

10. Án phí phúc thẩm: Ông Giảng Minh C không phải chịu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện C;
- TAND huyện C;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Phước Hội